

Số: **4714**/QĐ-BNN-HTQT

Hà Nội, ngày **13** tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3084/BNN-HTQT
ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
về việc phê duyệt dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm
giảm phát thải CO₂” do Chính phủ Đức tài trợ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BKH, ngày 09/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-TTg ngày 12/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án do Chính phủ Đức tài trợ;

Căn cứ Biên bản ngày 16/7/2015 của Đoàn thẩm định Ngân hàng tái thiết Đức và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂”;

Xét Tờ trình số 1941/TTr-DALN-KfW8 ngày 29/9/2015 của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp xin phê duyệt bổ sung Điều 1 Quyết định số 3084/BNN-HTQT ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Quyết định số 3084/BNN-HTQT ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO₂”, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung mục b của Điểm 2 Khoản 7 như sau:

“b. Hợp phần 2: Thúc đẩy đa dạng sinh học

- Công tác quản lý 500 ha rừng Thông bằng các kỹ thuật khai thác chọn lọc giảm thiểu tác động và quản lý rừng gần với tự nhiên được hoàn thiện;

- Làm giàu 500 ha rừng Thông bằng biện pháp trồng bổ sung cây bản địa quý hiếm tại các diện tích có khả năng tái sinh tự nhiên yếu;

- Hỗ trợ quản lý bền vững 2.300 ha rừng Thông và quản lý lâm sinh phù hợp tại 7.100 ha rừng trồng Keo”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm 8.2 và 8.3 Khoản 8 như sau:

“8.2 Tổng vốn dự án phân bổ cho các hợp phần/hạng mục của dự án:

Đơn vị tính: Euro

TT	Hợp phần/hạng mục	Tổng vốn	Nguồn vốn		
			Vốn vay ưu đãi	Vốn viện trợ KHL	Vốn đối ứng
1	Bảo vệ đa dạng sinh học	8.486.243	4.657.376	2.041.855	1.787.012
	Tỉnh Hà Giang	4.758.617	2.606.172	1.152.295	1.000.150
	Tỉnh Lào Cai	3.727.626	2.051.204	889.560	786.862
2	Thúc đẩy đa dạng sinh học	7.757.628	5.608.707	529.442	1.619.479
	Tỉnh Yên Bái	4.949.056	3.614.503	280.000	1.054.553
	Tỉnh Bắc Kạn	2.808.572	1.994.204	249.442	564.926
3	Ngăn ngừa tổn thất đa dạng sinh học tại tỉnh Lai Châu	4.149.494	3.057.567	171.400	920.527
4	Quản lý chung tại Ban quản lý dự án Trung ương	2.117.423	521.741	352.700	1.242.982
5	Dịch vụ tư vấn	1.950.000		1.950.000	
6	Dự phòng	1.609.212	1.154.609	454.603	
	Tổng cộng:	26.070.000	15.000.000	5.500.000	5.570.000

8.3 Tổng vốn dự án phân bổ theo đơn vị quản lý:

Đơn vị tính: Euro

TT	Đơn vị	Tổng vốn	Nguồn vốn			Tỷ lệ (%)
			Vốn vay ưu đãi	Vốn viện trợ KHL	Vốn đối ứng	
1	Tỉnh Hà Giang	4.758.617	2.606.172	1.152.295	1.000.150	18,3
2	Tỉnh Lào Cai	3.727.626	2.051.204	889.560	786.862	14,3
3	Tỉnh Yên Bái	4.949.056	3.614.503	280.000	1.054.553	19,0
4	Tỉnh Bắc Kạn	2.808.572	1.994.204	249.442	564.926	10,8
5	Tỉnh Lai Châu	4.149.494	3.057.567	171.400	920.527	15,9
6	Ban quản lý dự án Trung ương	2.117.423	521.741	352.700	1.242.982	8,1
7	Dịch vụ tư vấn	1.950.000		1.950.000		7,5
8	Dự phòng	1.609.212	1.154.609	454.603		6,2
	Tổng cộng:	26.070.000	15.000.000	5.500.000	5.570.000	100

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 3084/BNN-HTQT ngày 10/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn giữ nguyên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ; Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái, Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao;
- Sở NN&PTNT các tỉnh: Lào Cai, Lai Châu, Hà Giang, Yên Bái và Bắc Kạn;
- Lưu: VT, HTQT (PNM-40).

BỘ TRƯỞNG



Cao Đức Phát